TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 11-01-2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư k ý Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: không tham gia.

Vào ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp họ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST - DS ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1972 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: 1/ Bà Phạm Thị Huyền T (Phạm Thị Huyền T), sinh năm 1972 (Có mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Vào ngày 24/02/2017 âl (nhằm ngày 24/3/2017 dl), bà O có tham gia dây hụi ngày số tiền 20.000đồng do bà T làm đầu thảo, bà O tham gia 150 phần, ngày 24/5/2017dl mãn hụi, bà O hốt hụi cuối nhưng bà T chưa giao tiền hụi là 141.000.000đồng.

Đến tháng 10/2019 bà T có bán cho bà O 02 cái tủ nhôm giá là 9.000.000đồng và trả 6.000.000đồng, còn nợ lại 126.000.000đồng đến nay chưa trả.

Nay bà Nguyễn Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Huyền T và chồng là ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà O số tiền hụi 126.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 21/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là bà Phạm Thị Huyền T trình bày: Bà T thống nhất với trình bày của bà O về phần giao dịch hụi và số tiền nợ.

Bà T đồng ý trả cho bà O số tiền hụi còn nợ 126.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi hết nợ.

- Bị đơn là ông T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho ông T, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt đối với ông T. Tại bản tự khai của ông T 31/10/2020 gởi cho Tòa án trình bày: Ông T cho rằng không biết vợ có tổ chức chơi hụi và số tiền nợ hụi 126.000.000đồng của bà O thì ông T không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà O.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố ngày 09/10/2020

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Bà T thống nhất nợ bà O số tiền hụi là 126.000.000đồng

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không thống nhất: Bà O không đồng ý cho bà T xin được trả mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự và thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho ông T, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Về nội dung: Tại phiên Tòa hôm nay bà O yêu cầu vợ chồng bà T và ông T có trách nhiệm trả cho bà O số tiền hụi 126.000.000đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 10.060.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà O là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào lời trình bày của bà T thừa nhận và đồng ý trả cho bà O số tiền nợ hụi là 126.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi hết nợ. Đối với ý kiến của ông T không đồng ý cùng bà T trả nợ hụi cho bà O vì cho

rằng không biết bà T tổ chức và làm đầu thảo hụi là không có căn cứ. Bởi vì, tại phiên Tòa phía bà T trình bày việc làm đầu thảo hụi từ năm 2016 đến năm 2018 thì bể hụi, trong giai đoạn này thu nhập từ việc làm đầu thảo hụi dùng vào nguồn thu nhập chính để sinh sống của bà T và nuôi con chung với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét buộc vợ chồng bà T và ông Tcó trách nhiệm trả cho bà O số tiền hụi 126.000.000đồng

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà O đối với việc bà O không yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T, ông Nguyễn Văn T trả số tiền lãi là 10.060.000đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà T và ông T nộp 6.300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.651.500đồng theo biên lai thu số 0010203 ngày 02/6/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật quy định.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35, Điều 217, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 22, Điều 29 và Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường; Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Huyền T, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền hụi là 126.000.000đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà O đối với việc bà O không yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T, ông Nguyễn Văn T trả số tiền lãi là 10.060.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà T và ông T nộp 6.300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.651.500đồng theo biên lai thu số 0010203 ngày 02/6/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Chi